

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 14
7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	15 - 49
8. Phụ lục	50 - 56

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301447257 ngày 19 tháng 11 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 21 tháng 6 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : +(84) (028) 3846 6888

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2023 với mã giao dịch cổ phiếu là NCG theo Quyết định số 1124/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý (CPC 865));
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ); (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ); (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở);
- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Trồng cây mía;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ); (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn đồ uống (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh) (CPC 631) Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A. 16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;

- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh) (CPC 631) Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A. 16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh) (CPC 631) Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A. 16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;
- Bán lẻ các hình thức khác chưa được phân vào đầu (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh) (CPC 631) Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A. 16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp. Chi tiết: Trồng rừng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác. Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ); (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Luật Kinh doanh Bất động sản, ngoại trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy tính. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn phần mềm và tư vấn hệ thống (CPC 842);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh, ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A. 16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh) (CPC 631).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hiếu Liêm	Chủ tịch	Ngày 25 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Quang Phi Tín	Thành viên	Ngày 6 tháng 4 năm 2022
Bà Trần Thị Thu Thảo	Thành viên độc lập	Ngày 11 tháng 2 năm 2022

Ủy ban Kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Trần Thị Thu Thảo	Trưởng ban	Ngày 11 tháng 2 năm 2022
Ông Nguyễn Hiếu Liêm	Thành viên	Ngày 26 tháng 12 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Quang Phi Tín	Tổng Giám đốc	Ngày 18 tháng 3 năm 2022
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	Giám đốc tài chính	Ngày 23 tháng 5 năm 2023

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Phi Tín - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2022).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.


Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

149815
NG TY
KIỂM HỮU
N VÀ TƯ
& C
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2025



Số: 1.0915/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025, từ trang 08 đến trang 56, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 29 tháng 8 năm 2023 với kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 vào ngày 29 tháng 3 năm 2024 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C


Hoàng Thái Vượng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1

Người được ủy quyền


Nguyễn Thị Phước Tiên

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1199-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.058.303.725.144	2.053.080.473.606
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	114.424.543.373	294.901.008.976
1. Tiền	111		103.424.543.373	277.784.420.933
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.000.000.000	17.116.588.043
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14.917.058.138	26.200.470.095
1. Chứng khoán kinh doanh	121		470.095	470.095
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	14.916.588.043	26.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.211.726.168.659	945.080.302.111
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	674.945.793.131	578.749.531.609
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	173.194.622.006	89.817.891.858
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	641.623.858.242	577.560.520.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	230.316.347.772	251.684.117.466
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(508.354.452.492)	(552.731.758.822)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		679.784.771.281	748.423.338.816
1. Hàng tồn kho	141	V.8	682.145.530.219	753.652.661.689
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(2.360.758.938)	(5.229.322.873)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		37.451.183.693	38.475.353.608
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	13.204.013.824	13.814.571.211
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.133.363.006	2.758.504.517
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	22.113.806.863	21.902.277.880
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.717.199.981.200	1.822.920.105.173
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		290.230.962.757	290.205.606.929
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	152.000.000.000	152.000.000.000
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	475.230.962.757	475.205.606.929
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.7	(337.000.000.000)	(337.000.000.000)
II. Tài sản cố định	220		887.000.795.309	964.145.667.241
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	757.508.598.625	828.166.182.170
- Nguyên giá	222		1.388.899.753.666	1.390.655.308.601
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(631.391.155.041)	(562.489.126.431)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	22.554.729.291	21.404.203.627
- Nguyên giá	225		26.005.404.773	22.962.066.127
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.450.675.482)	(1.557.862.500)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	106.937.467.393	114.575.281.444
- Nguyên giá	228		161.411.087.207	161.347.837.207
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(54.473.619.814)	(46.772.555.763)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		85.345.406.906	85.341.746.781
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	85.345.406.906	85.341.746.781
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		161.129.260.669	165.385.468.426
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	93.005.975.891	102.597.928.360
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	68.123.284.778	68.123.284.778
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	-	(5.335.744.712)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		293.493.555.559	317.841.615.796
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	204.156.342.457	221.235.273.617
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	7.875.194.065	4.282.720.602
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.15	81.462.019.037	92.323.621.577
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.775.503.706.344	3.876.000.578.779

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.770.900.493.156	1.939.275.219.398
I. Nợ ngắn hạn	310		1.648.354.423.788	1.639.932.217.202
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	243.771.681.553	358.406.105.934
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	29.818.238.685	28.518.943.999
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	24.284.636.042	27.123.842.930
4. Phải trả người lao động	314	V.19	27.211.466.061	21.071.941.092
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	69.964.098.870	35.708.310.506
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		97.678.786	106.297.504
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a,c	59.651.776.665	15.980.411.593
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a,c	1.187.694.540.981	1.146.258.804.021
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.23a	1.742.802.231	1.665.802.231
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.24	4.117.503.914	5.091.757.392
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		122.546.069.368	299.343.002.196
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		280.000.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b,c	61.836.671.591	234.914.477.483
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.25	54.420.092.082	58.503.034.478
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.23b	6.009.305.695	5.925.490.235
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024


Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.004.603.213.188	1.936.725.359.381
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.004.603.213.188	1.936.725.359.381
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.26	1.197.843.250.000	1.197.843.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.197.843.250.000	1.197.843.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26	426.598.785.061	426.598.785.061
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.26	(3.772.154.614)	(3.772.154.614)
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.26	71.988.693.710	70.988.004.240
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.26	289.556.800.536	224.549.770.748
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		206.687.922.078	1.154.748.538.737
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		82.868.878.458	(930.198.767.989)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.26	22.387.838.495	20.517.703.946
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.775.503.706.344	3.876.000.578.779


Đỗ Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng kiêm người lập



TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025


Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.563.962.481.426	4.421.981.471.427
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	315.083.869.226	280.142.748.449
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.248.878.612.200	4.141.838.722.978
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	3.679.072.551.820	3.742.610.220.245
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		569.806.060.380	399.228.502.733
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	41.431.267.824	56.127.943.623
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	110.103.609.988	170.656.574.943
Trong đó: chi phí lãi vay	23		86.004.779.141	101.783.232.612
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	14.662.868.617	28.544.595.325
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	246.542.976.322	182.821.528.701
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	140.090.584.776	1.040.763.538.786
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		129.163.025.735	(910.340.600.749)
12. Thu nhập khác	31	VI.8	829.125.122	6.277.613.866
13. Chi phí khác	32	VI.9	4.194.011.676	44.063.687.383
14. Lợi nhuận khác	40		(3.364.886.554)	(37.786.073.517)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		125.798.139.181	(948.126.674.266)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	34.286.552.417	44.521.139.203
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14,V.25	(7.675.415.859)	(41.717.830.111)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		99.187.002.623	(950.929.983.358)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		82.868.878.458	(930.198.767.989)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		16.318.124.165	(20.731.215.369)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	692	(7.766)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	692	(7.766)


Đỗ Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng kiêm người lập


TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025
Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		125.798.139.181	(948.126.674.266)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11 V.12, V.15	98.429.444.531	113.074.143.061
- Các khoản dự phòng	03	V.2c, V.7, V.8, V.23	(44.255.799.517)	869.317.183.584
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	14.957.469.388	11.078.760.188
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2b, VI.4 VI.9	(52.062.540.473)	(36.134.184.813)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	86.004.779.141	101.783.232.612
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		228.871.492.251	110.992.460.366
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(180.409.531.250)	73.170.471.694
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		71.507.131.470	65.521.727.772
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(47.541.360.391)	(110.407.200.285)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		17.689.488.547	33.208.545.838
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(57.710.358.453)	(102.757.934.999)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.18	(41.333.909.920)	(42.799.327.635)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.24	(15.427.887.336)	(16.602.422.790)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(24.354.935.082)	10.326.319.961
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.11, V.12, V.13, V.22, VII	(15.856.511.116)	(38.884.895.215)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VI.9	8.290.848.189	27.352.755.745
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a, V.5	(256.508.588.043)	(204.403.717.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a, V.5	203.728.661.758	250.854.197.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	129.993.110.600
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2b, V.6a, VI.4	68.390.815.097	50.158.761.697
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8.045.225.885	215.070.212.827

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.22	3.874.019.310.997	3.299.536.497.511
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.22	(4.017.976.583.233)	(3.333.535.771.865)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.22	(4.892.209.196)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21, V.26	(15.305.561.386)	(73.551.585.535)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(164.155.042.818)	(107.550.859.889)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(180.464.752.015)	117.845.672.899
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	294.901.008.976	177.059.895.437
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(11.713.588)	(4.559.360)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	114.424.543.373	294.901.008.976

Đỗ Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng kiêm người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc1931
G T
M H
V A I
C
H C

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Các công ty trong Tập đoàn kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là: Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý); sản xuất và kinh doanh thuốc thú y, thuốc thủy sản, thuốc sát trùng; kinh doanh vắc-xin thú y; sản xuất, kinh doanh và gia công các loại thức ăn chăn nuôi và thức ăn thủy sản; chế biến các sản phẩm cồn và CO₂; kinh doanh thương mại bán buôn các sản phẩm nông nghiệp; bán lẻ lương thực, đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của các công ty trong Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 12 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Anova Feed	Cụm công nghiệp Tập đoàn Anova, Ấp 4, xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh và gia công các loại thức ăn chăn nuôi và thức ăn thủy sản	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần Anova Biotech	315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Mua bán thuốc thú y, vắc-xin thú y, thuốc thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thuốc thú y thủy sản	99,80%	99,80%	99,80%	99,80%
Tổng Công ty Mía đường II – Công ty Cổ phần	54 – 56 Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Chế biến các sản phẩm cồn, CO ₂ ; kinh doanh thương mại bán buôn các sản phẩm nông nghiệp	94,96%	94,96%	94,96%	94,96%
Công ty Cổ phần Anova Tech	315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh thuốc thú y, thuốc thủy sản và các loại hóa chất, phụ gia thức ăn gia súc	85,83%	85,83%	85,83%	85,83%
Công ty Liên doanh TNHH Anova	36 Đại lộ Độc lập, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất chất bổ sung cho thức ăn trong chăn nuôi và thủy sản, thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn nguyên liệu, thành phẩm thuốc thú y	57,00%	57,00%	57,00%	57,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thực phẩm Mặt Trời Mộc	5.07 Khu chung cư kết hợp thương mại, văn phòng lô X (Sunrise City North), 27 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán buôn thực phẩm	99,89%	99,89%	99,89%	99,89%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm ⁽ⁱ⁾	Lô M, Đường số 10, Cụm công nghiệp Lợi Bình Nhơn, xã Lợi Bình Nhơn, TP. Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	99,30%	99,30%	99,42%	99,42%
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nova Beverages	5.07 Khu chung cư kết hợp thương mại, văn phòng lô X (Sunrise City North), 27 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	99,998%	99,998%	99,998%	99,998%
Công ty Cổ phần HKV ⁽ⁱⁱ⁾	65 Nguyễn Du, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất sản phẩm cà phê, trà	98,87%	98,87%	98,87%	98,87%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET (tên cũ là Công ty Cổ phần Anova Pharma)	Cụm Công nghiệp Tập đoàn Anova, xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, Việt Nam	Mua bán, sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, thủy tinh, kinh doanh bất động sản	99,67%	99,67%	99,67%	99,67%
Công ty Cổ phần Anova Farm	315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chăn nuôi gia súc	99,84%	99,84%	99,84%	99,84%
Công ty Cổ phần Thành Nhơn	315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Mua bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, nguyên phụ liệu thức ăn gia súc, hóa chất	99,556%	99,556%	99,556%	99,556%

(i) Đây là công ty con trực tiếp của Công ty TNHH Thực phẩm Mặt Trời Mộc.

(ii) Đây là công ty con trực tiếp của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nova Beverages.

5c. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie	Số 2/3 Khu phố 4, đường Tăng Nhơn Phú, phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất thuốc thú y, thuốc sát trùng phục vụ ngành chăn nuôi	30,01%	30,01%	30,01%	30,01%
Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương VET VA CO	Km 18, quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất kinh doanh thuốc thú y, xuất nhập khẩu thuốc thú y	23,84%	23,84%	23,84%	23,84%
Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa ⁽ⁱ⁾	Khu vực 1, thị trấn Hiệp Hòa, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, Việt Nam	Sản xuất và buôn bán đường ăn	20,66%	20,66%	21,76%	21,76%

(i) Đây là công ty liên kết trực tiếp của Tổng Công ty Mía đường II – Công ty Cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
7. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.918 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.911 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Các công ty trong Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Cơ sở hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Đối với ngành nông nghiệp, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được dùng để tập hợp tổng chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của các hoạt động nuôi trồng, chế biến sản phẩm hoặc dịch vụ nông nghiệp, được hạch toán chi tiết theo ngành kinh doanh nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, chế biến...), theo địa điểm phát sinh chi phí (phân xưởng, đội sản xuất...), chi tiết theo từng loại cây con và từng loại sản phẩm, từng sản phẩm hoặc dịch vụ. Đối với chi phí chăn nuôi, được hạch toán chi tiết cho từng loại hoạt động chăn nuôi (như chăn nuôi bò, chăn nuôi lợn, chăn nuôi gà...), theo từng nhóm hoặc từng loại gia súc, gia cầm.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí vật nuôi, tiền thuê đất trả trước, phí cơ sở hạ tầng và công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Vật nuôi

Chi phí vật nuôi và heo giống không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được phân bổ vào chi phí theo đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất, phí cơ sở hạ tầng

Tiền thuê đất, phí cơ sở hạ tầng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất, phí cơ sở hạ tầng đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (40 - 44 năm).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 52
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 08
Cây lâu năm, gia súc	04 - 16
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	04 - 15

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn bao gồm quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 (tức ngày 01 tháng 7 năm 2004) và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian giao đất (42 - 44,8 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 10 năm.

Thương hiệu

Thương hiệu được xác định khi mua lại Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

S-C
Y
JUH
TUV
CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

16. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

17. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn bao gồm:

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 1 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Dự phòng hoàn nguyên môi trường

Khoản dự phòng hoàn nguyên môi trường liên quan đến việc ước tính các khoản chi phí thu dọn, tháo dỡ và vận chuyển máy móc thiết bị, nhà xưởng để khôi phục và hoàn trả mặt bằng.

Tăng, giảm số dư dự phòng hoàn nguyên môi trường cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

18. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

19. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

20. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

21. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

22. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

23. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	25.407.086.991	35.987.413.421
Tiền gửi ngân hàng	78.017.456.382	241.797.007.512
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng trở xuống)	11.000.000.000	17.116.588.043
Cộng	114.424.543.373	294.901.008.976

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn gốc trên 3 tháng và không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2%/năm đến 6,2%/năm.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 7.416.588.043 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (số đầu năm là 25.800.000.000 VND) (xem thuyết minh số V.22a).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Giá gốc	Số cuối năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie ⁽ⁱ⁾	14.821.385.049	52.756.834.030	67.578.219.079	14.821.385.049	57.552.827.004	72.374.212.053
Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương VET VA CO ⁽ⁱⁱ⁾	28.733.839.420	(3.306.082.608)	25.427.756.812	28.733.839.420	1.489.876.887	30.223.716.307
Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa	-	-	-	-	-	-
Cộng	43.555.224.469	49.450.751.422	93.005.975.891	43.555.224.469	59.042.703.891	102.597.928.360

(i) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie 14.821.385.049 VND, tương đương 30,01% vốn điều lệ.

(ii) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương VET VA CO 8.584.000.000 VND, tương đương 23,84% vốn điều lệ, với giá phí khoản đầu tư là 28.733.839.420 VND.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie	72.374.212.053	19.458.828.112	(24.254.821.086)	67.578.219.079
Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương VET VA CO	30.223.716.307	(4.795.959.495)	-	25.427.756.812
Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa	-	-	-	-
Cộng	102.597.928.360	14.662.868.617	(24.254.821.086)	93.005.975.891

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa không hoạt động, Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương VET VA CO hoạt động kinh doanh bị lỗ. Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie		
Cung cấp dịch vụ	288.000.000	288.000.000
Bán hàng hóa	37.865.902.039	34.515.180.300
Mua hàng hóa	12.725.175.710	8.256.032.233
Thuê xe	360.000.000	360.000.000
Cổ tức nhận được	24.254.821.086	25.706.037.195

Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương VET VA CO

Bán hàng hóa	-	552.381.000
--------------	---	-------------

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương NAVETCO	33.530.784.778	-	33.530.784.778	-
Tổng Công ty Mía đường I – CTCP	34.592.500.000	-	34.592.500.000	(5.335.744.712)
Cộng	68.123.284.778	-	68.123.284.778	(5.335.744.712)

Giá trị hợp lý

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương NAVETCO được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom). Giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định là bình quân giá giao dịch trong 30 ngày có giao dịch gần nhất trước ngày kết thúc năm tài chính.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần do không có giá niêm yết và chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.335.744.712	11.603.298.782
Hoàn nhập dự phòng	(5.335.744.712)	(6.267.554.070)
Số cuối năm	-	5.335.744.712

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	2.205.777.662	3.303.454.010
Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie	2.205.777.662	3.303.454.010
Phải thu các khách hàng khác	672.740.015.469	575.446.077.599
Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution	299.851.824.065	247.569.880.202
Công ty Cổ phần In Holdings	58.738.000.000	58.738.000.000
Công ty Cổ phần Nova Safe Meat	2.228.890.500	40.442.509.540
Các khách hàng khác	311.921.300.904	228.695.687.857
Cộng	674.945.793.131	578.749.531.609

Một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.22a).

4. Trả trước cho người bán**4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Enerfo Pte., Ltd.	69.554.359.976	20.033.382.626
Bunge S.A.	29.952.557.678	16.572.929.600
Mitsui & Co. (Asia Pacific) Pte. Ltd.	21.215.111.400	-
Viterra B.V	-	13.719.431.000
Hong Kong Natural Resources Trading Co., Ltd.	-	8.670.639.250
Các nhà cung cấp khác	52.472.592.952	30.821.509.382
Cộng	173.194.622.006	89.817.891.858

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4b. Trả trước cho người bán dài hạn

Khoản ứng trước của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET cho Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution theo Hợp đồng nguyên tắc số 0111/HTPP-AFF/2022 ngày 01 tháng 11 năm 2022 về phân phối hàng hóa, phát triển sản phẩm và phát triển hệ thống phân phối với thời hạn kể từ ngày ký đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 và được gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng đến ngày 31 tháng 12 năm 2028 theo Phụ lục số 01 ngày 28 tháng 12 năm 2023.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho Công ty Cổ phần Cụm công nghiệp Anova vay với lãi suất 6% - 7%/năm	635.423.858.242	554.860.520.000
Cho Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution vay với lãi suất 10%/năm	-	10.000.000.000
Cho Công ty Cổ phần Nova Safe Meat vay với lãi suất 10%/năm	-	6.500.000.000
Cho Công ty Cổ phần Anova Agri Bình Dương vay với lãi suất 5,5% - 6%/năm	6.200.000.000	6.200.000.000
Cộng	641.623.858.242	577.560.520.000

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	37.684.967.966	-	45.421.491.547	-
Các khoản đặt cọc, ký quỹ ngắn hạn (*)	130.645.340.000	-	130.809.422.000	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.027.500.000	-	1.027.500.000	-
Lãi cho vay và lãi tiền gửi dự thu	36.498.161.430	(349.636.437)	42.950.215.988	(297.013.696)
Phải thu các khoản bồi thường, vi phạm hợp đồng	-	-	22.057.672.604	(9.802.260.274)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	24.460.378.376	(1.020.000)	9.417.815.327	-
Cộng	230.316.347.772	(350.656.437)	251.684.117.466	(10.099.273.970)

- (*) Trong đó, Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET đã đặt cọc 130.000.000.000 VND để mua lại 100% phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Tiêu dùng đang sở hữu 99,92% tại Công ty Cổ phần Nova Nutrition & Wellness theo Thỏa thuận mua bán phần vốn góp ngày 20 tháng 12 năm 2022. Thời gian thực hiện được gia hạn đến ngày 19 tháng 12 năm 2024 theo Phụ lục số 01 ngày 15 tháng 12 năm 2023 và tiếp tục được gia hạn đến ngày 19 tháng 12 năm 2025 theo Phụ lục số 02 ngày 19 tháng 12 năm 2024.

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hợp đồng hợp tác kinh doanh ⁽ⁱ⁾	337.000.000.000	(337.000.000.000)	337.000.000.000	(337.000.000.000)
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn ⁽ⁱⁱ⁾	138.230.962.757	-	138.205.606.929	-
Cộng	475.230.962.757	(337.000.000.000)	475.205.606.929	(337.000.000.000)

- (i) Đây là khoản tiền Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nova Beverages chuyển cho Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01032022/HTKD/NVB-NVD ngày 29 tháng 3 năm 2022. Thời hạn hợp tác là 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng này. Kết quả

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hoạt động kinh doanh sẽ được phân chia theo tỷ lệ thỏa thuận quy định trong hợp đồng và được thanh toán cuối thời hạn hợp tác cùng với hoàn trả tiền góp vốn đầu tư. Do triển vọng thu hồi thấp từ kết quả kinh doanh dự phóng của dự án, Ban Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nova Beverages đã quyết định lập dự phòng toàn bộ số dư phải thu hợp tác đầu tư này trong năm 2023 theo nguyên tắc thận trọng. Trong năm, chưa có thay đổi đáng kể nào liên quan đến tình hình hoạt động và kết quả hợp tác kinh doanh.

(ii) Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn chủ yếu phục vụ cho mục đích thuê trại chăn nuôi.

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Phải thu về cho vay</i>						
Công ty Cổ phần Cụm công nghiệp Anova	Từ 6 tháng đến 2 năm	487.306.858.242	-	Từ 01 tháng đến 2 năm	527.977.520.000	-
Các đối tượng khác	Từ 1 năm đến 3 năm	6.200.000.000	3.000.000.000		-	-
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>						
Công ty Cổ phần Đại Nam Ong Biển	Trên 3 năm	6.910.000.000	-	Từ 02 năm đến 03 năm	6.910.000.000	2.073.000.000
Công ty TNHH Liên doanh TopCake	Trên 3 năm	3.197.700.000	-	Trên 03 năm	3.197.700.000	-
Ông Lê Hồng Phong	Trên 3 năm	2.165.989.841	-	Trên 03 năm	2.165.989.841	-
Các khách hàng khác	Trên 6 tháng	3.661.295.553	321.811.781	Trên 06 tháng	3.079.838.162	659.262.351
<i>Trả trước cho nhà cung cấp</i>						
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông sản Quốc tế	Trên 3 năm	1.883.764.200	-	Trên 03 năm	2.033.699.200	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>						
Công ty Cổ phần Mía đường La Ngà	Từ 6 tháng đến 2 năm	-	-	Từ 06 tháng đến 02 năm	21.787.534.247	11.985.273.973
Các đối tượng khác	Từ 1 năm đến 2 năm	783.647.393	432.990.956	Từ 01 năm đến 02 năm	594.027.392	297.013.696
<i>Phải thu dài hạn khác</i>						
Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution		337.000.000.000	-		337.000.000.000	-
Cộng		849.109.255.229	3.754.802.737		904.746.308.842	15.014.550.020

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu và cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	552.731.758.822	337.000.000.000	889.731.758.822
Hoàn nhập dự phòng	(36.212.306.330)	-	(36.212.306.330)
Xử lý xóa sổ (*)	(8.165.000.000)	-	(8.165.000.000)
Số cuối năm	508.354.452.492	337.000.000.000	845.354.452.492

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Theo Biên bản thỏa thuận hai bên ngày 17 tháng 6 năm 2024, Công ty Cổ phần Anova Farm đã điều chỉnh giảm tiền phạt vi phạm hợp đồng đối với Công ty Cổ phần Mía đường La Ngà từ 17.100.000.000 VND (theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 30 tháng 9 năm 2022) xuống còn 770.000.000 VND. Năm 2023, Công ty Cổ phần Anova Farm đã thu được 770.000.000 VND tiền phạt vi phạm hợp đồng và đã trích lập dự phòng 50% khoản phải thu còn lại chưa thanh toán với chi phí dự phòng là 8.165.000.000 VND. Năm nay Công ty Cổ phần Anova Farm điều chỉnh giảm 8.165.000.000 VND khoản phải thu tiền phạt vi phạm hợp đồng tương ứng khoản dự phòng đã trích lập năm 2023 và phần còn lại 8.165.000.000 VND được ghi nhận vào khoản mục Chi phí quản lý doanh nghiệp (xem thuyết minh số VI.7).

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	31.102.814.563	-	13.001.841.233	-
Nguyên liệu, vật liệu	271.481.762.870	(787.455.915)	256.237.711.593	(4.364.846.746)
Công cụ, dụng cụ	9.235.628.539	(101.776.886)	10.373.886.756	(49.574.275)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	268.425.288.479	-	422.884.684.435	-
Thành phẩm	29.490.904.654	(95.239.849)	27.463.958.678	(193.412.288)
Hàng hóa	72.409.131.114	(1.376.286.288)	23.690.578.994	(621.489.564)
Cộng	682.145.530.219	(2.360.758.938)	753.652.661.689	(5.229.322.873)

Một số nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho cuối năm đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem thuyết minh số V.22a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.229.322.873	4.489.776.787
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(2.868.563.935)	739.546.086
Số cuối năm	2.360.758.938	5.229.322.873

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.224.101.139	3.019.183.623
Chi phí bảo hiểm	1.269.823.971	1.848.916.735
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	9.710.088.714	8.946.470.853
Cộng	13.204.013.824	13.814.571.211

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vật nuôi	94.452.680.974	98.130.537.216
Tiền thuê đất trả trước	62.456.828.327	57.864.434.825
Phí cơ sở hạ tầng	40.193.238.102	41.465.721.243
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.332.968.758	1.592.495.354
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.720.626.296	22.182.084.979
Cộng	204.156.342.457	221.235.273.617

10. Tài sản cố định hữu hình

Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 01 đính kèm.

S. C. I.
T. Y.
H. U. H. A. I.
T. U. V. A. I.
C.
S. C. H. I.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 650.252.881.402 VND (số đầu năm là 550.717.367.463 VND) đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.22a).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính là các máy móc thiết bị. Chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	22.962.066.127	1.557.862.500	21.404.203.627
Thuê tài chính trong năm	3.043.338.646		
Khấu hao trong năm		1.892.812.982	
Số cuối năm	26.005.404.773	3.450.675.482	22.554.729.291

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Thương hiệu	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	98.148.465.106	19.865.372.101	43.334.000.000	161.347.837.207
Mua trong năm	-	63.250.000	-	63.250.000
Phân loại lại	(53.600.000)	53.600.000	-	-
Số cuối năm	98.094.865.106	19.982.222.101	43.334.000.000	161.411.087.207
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		- 15.044.728.050	-	- 15.044.728.050
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	23.681.799.032	16.590.656.731	6.500.100.000	46.772.555.763
Khấu hao trong năm	2.309.284.257	1.058.379.794	4.333.400.000	7.701.064.051
Phân loại lại	(53.600.000)	53.600.000	-	-
Số cuối năm	25.937.483.289	17.702.636.525	10.833.500.000	54.473.619.814
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	74.466.666.074	3.274.715.370	36.833.900.000	114.575.281.444
Số cuối năm	72.157.381.817	2.279.585.576	32.500.500.000	106.937.467.393
Trong đó:				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 72.157.381.817 VND (số đầu năm là 74.466.666.074 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.22a).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	860.000.000	(860.000.000)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	65.111.028.597	499.384.501	(422.384.501)	(73.339.875)	65.114.688.722
- Công trình mở rộng dây chuyền nhà máy Long An	43.128.097.087	-	-	-	43.128.097.087
- Công trình Nhà máy đường ăn kiêng Phú Yên	20.704.671.635	77.000.000	-	-	20.781.671.635
- Các công trình khác	1.278.259.875	422.384.501	(422.384.501)	(73.339.875)	1.204.920.000
Quyền nghỉ dưỡng	20.230.718.184	-	-	-	20.230.718.184
Cộng	85.341.746.781	1.359.384.501	(1.282.384.501)	(73.339.875)	85.345.406.906

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**14a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và lợi nhuận chưa thực hiện. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.282.720.602	4.918.193.161
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	3.592.473.462	(635.472.559)
Số cuối năm	7.875.194.065	4.282.720.602

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

14b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	112.149.837.973	57.778.087.471
- Các chi phí phải trả	2.899.371.837	2.265.793.770
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	177.923.525
- Chi phí lãi vay chưa được trừ (i)	109.250.466.136	55.334.370.176
Lỗi tính thuế (ii)	514.698.508.279	355.557.261.835
Cộng	626.848.346.252	413.335.349.306

(i) Chi tiết chi phí lãi vay chưa được trừ như sau:

Năm 2020	25.090.676.938
Năm 2021	10.912.981.320
Năm 2022	9.523.639.158
Năm 2023	47.485.671.712
Năm 2024	16.237.497.008
Cộng	109.250.466.136

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

(ii) Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại như sau:

Năm 2020	95.910.537.677
Năm 2021	41.649.435.365
Năm 2022	68.521.864.563
Năm 2023	241.232.482.761
Năm 2024	67.384.187.913
Cộng	514.698.508.279

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

15. Lợi thế thương mại

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	108.616.025.387	16.292.403.810	92.323.621.577
Phân bổ trong năm		10.861.602.540	
Số cuối năm	<u>108.616.025.387</u>	<u>27.154.006.350</u>	<u>81.462.019.037</u>

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>3.449.908.643</i>	<i>1.370.849.309</i>
Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie	3.449.908.643	1.370.849.309
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>240.321.772.910</i>	<i>357.035.256.625</i>
Bunge Asia Pte. Ltd.	-	52.530.925.026
Các nhà cung cấp khác	240.321.772.910	304.504.331.599
Cộng	243.771.681.553	358.406.105.934

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Kim Hà Việt	19.102.925.000	19.102.925.000
Các khách hàng khác	10.715.313.685	9.416.018.999
Cộng	29.818.238.685	28.518.943.999

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thức ăn chăn nuôi	Không chịu thuế
- Thành phẩm xuất khẩu	0%
- Hàng nông sản, thuốc chữa bệnh, phòng bệnh thú y	5%
- Hàng hóa khác bán trong nội địa (*)	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (*) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với một số hàng hóa, dịch vụ là 8% theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với một số hàng hóa, dịch vụ là 8% theo Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty Cổ phần Anova Feed – Trụ sở chính được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi với thuế suất ưu đãi 17%. Công ty Cổ phần Anova Feed – Chi nhánh Đồng Nai và Công ty Cổ phần Anova Feed – Chi nhánh Hưng Yên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong bốn năm tiếp theo.
- Công ty Liên doanh TNHH Anova: Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 9804265147 ngày 23 tháng 3 năm 2020 do Ban quản lý các khu công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất các chất bổ sung cho thức ăn trong chăn nuôi và thủy sản với thuế suất 15% hàng năm, được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi kinh doanh có lãi.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Anova Feed	18.270.664.076	26.006.383.166
Công ty Cổ phần Biotech	4.349.438.782	5.619.530.235
Công ty Cổ phần Anova Tech	120.031.501	139.896.440
Công ty Liên doanh TNHH Anova	6.083.717.543	6.087.475.487
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET	2.204.942.574	4.977.066.599
Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm	704.981.346	369.978.764
Công ty Cổ phần Thành Nhơn	2.552.776.595	827.468.613
Các công ty khác	-	493.339.899
Cộng	34.286.552.417	44.521.139.203

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

19. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả cho nhân viên các Công ty trong Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu thương mại	48.256.072.150	14.926.230.273
Chi phí lãi vay phải trả	2.932.089.145	4.401.050.578
Chi phí hoa hồng đại lý	1.255.390.278	3.400.252.276
Tiền thuê đất	2.457.887.833	2.457.887.833
Tiền thưởng hiệu suất công việc	990.610.818	1.152.415.465
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	14.072.048.646	9.370.474.081
Cộng	69.964.098.870	35.708.310.506

21. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Deutsch Investitions - Und Entwicklungsgesellschaft MBH - Chi phí lãi vay	29.970.727.917	-
Deutsch Investitions - Und Entwicklungsgesellschaft MBH - Phải trả khác	1.409.128.961	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	11.067.191.676	13.846.287.036
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	17.204.728.111	2.134.124.557
Cộng	59.651.776.665	15.980.411.593

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

22. Vay và nợ thuê tài chính**22a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	888.312.031.785	921.612.154.021
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch (i)	447.586.841.975	323.070.132.761
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (ii)	34.790.578.218	40.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn (iii)	303.522.797.048	272.685.041.658
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (iv)	86.330.382.123	59.191.139.130
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas (Việt Nam) (v)	-	164.246.480.255
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan (Việt Nam) (vi)	16.081.432.421	62.419.360.217
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	16.920.000.000	10.420.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Nova (vii)	10.420.000.000	10.420.000.000
Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution (viii)	6.500.000.000	-
Vay ngắn hạn cá nhân	-	2.200.000.000
Ông Bùi Phan Phú Lộc (ix)	-	2.200.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	277.228.350.000	212.026.650.000
Deutsch Investitions - Und Entwicklungsgesellschaft MBH (xem thuyết minh số V.22b)	277.228.350.000	212.026.650.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)	5.234.159.196	-
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	4.413.479.196	-
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	820.680.000	-
Cộng	1.187.694.540.981	1.146.258.804.021

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch bao gồm:
- Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Feed với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 550.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 550.000.000.000 VND, đồng thời được đảm bảo bằng hàng tồn kho; quyền thu nợ phải thu của Công ty Cổ phần Anova Feed cùng với vật nuôi, máy móc thiết bị, bất động sản có tổng giá trị không thấp hơn số dư vay nợ (xem thuyết minh số V.3, V.8, V.10 và V.12).
 - Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Biotech với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng từ ngày giải ngân và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với giá trị 20.000.000.000 VND, đồng thời được đảm bảo bằng hàng tồn kho, quyền thu nợ phải thu tương ứng hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.3 và V.8).
 - Khoản vay của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 20.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với giá trị 20.000.000.000 VND, đồng thời được đảm bảo bằng hàng tồn kho, khoản phải thu tối thiểu bằng dư nợ (xem thuyết minh số V.3, V.8 và V.10).
 - Khoản vay của Công ty Cổ phần Thành Nhơn với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 100.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với giá trị 100.000.000.000 VND.
- (ii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 40.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng bất động sản tại Nhà máy Xuxifarm tại tỉnh Long An, hợp đồng tiền gửi trị giá 5.116.588.043 VND và cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa Ốc No Va phát hành, thuộc sở hữu của bên thứ ba.
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn bao gồm:
- Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Feed với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 332.000.000.000 VND với lãi suất từ 5%/năm đến 6,5%/năm thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 332.000.000.000 VND, Quyền sử dụng đất, hàng hóa, và tài sản cố định của nhà máy ở Trụ sở chính; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET – một công ty thành viên thuộc Tập đoàn và Quyền thu nợ phải thu của Công ty Cổ phần Anova Feed với giá trị cao nhất 150.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.3, V.8, V.10 và V.12).
 - Khoản vay của Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm có hạn mức 35.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng 900.000 cổ phiếu NVL do Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va phát hành. Khoản vay này đã được tất toán trong năm.
 - Khoản vay của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 20.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động và phục vụ sản hoạt động xuất kinh doanh. Thời hạn vay/bảo lãnh/phát hành thư tín dụng là 12 tháng với lãi suất quy định theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, các khoản phải thu và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.3, V.8, V.10 và V.12).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (iv) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh bao gồm:
- Khoản vay của Công ty Liên doanh TNHH Anova với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 100.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng máy móc thiết bị và bất động sản tại Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương (xem thuyết minh số V.10 và V.12).
 - Khoản vay của Công ty Cổ phần Thành Nhơn với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 70.000.000.000 VND với lãi suất từ 5,5%/năm đến 7,9%/năm thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 70.000.000.000 VND.
- (v) Vay Ngân hàng TNHH MTV United Overseas (Việt Nam) bao gồm:
- Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Feed với mục đích tài trợ vốn lưu động có hạn mức 100.000.000.000 VND với lãi suất từ thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này đã được tắt toán trong năm.
 - Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Farm với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 50.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này đã được tắt toán trong năm.
 - Khoản vay của Công ty Cổ phần Thành Nhơn với mục đích tài trợ vốn lưu động có hạn mức 50.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này đã được tắt toán trong năm.
- (vi) Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan (Việt Nam) bao gồm:
- Khoản vay của Công ty Cổ phần Biotech với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 640.000 USD với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 640.000 USD (giá trị bảo đảm sẽ được quy đổi thành VND tại thời điểm phát sinh sự kiện).
 - Khoản vay của Công ty Liên doanh TNHH Anova với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 800.000 USD với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này đã được tắt toán trong năm.
 - Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Farm với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 28.000.000.000 VND với lãi suất từ 6%/năm thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn 2.000.000.000 VND của Công ty Cổ phần Anova Farm tương ứng với 30% dư nợ (xem thuyết minh số V.2a) và Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 28.000.000.000 VND.
- (vii) Khoản vay tín chấp của Công ty TNHH Thực phẩm Mặt Trời Mộc tại Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Nova, thời hạn vay là 2 năm và được gia hạn với lãi suất từ 6,5%/năm đến 6,7%/năm.
- (viii) Khoản vay tín chấp của Công ty Cổ phần HKV tại Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution với mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn tối đa 3 tháng với lãi suất từ 6%/năm.
- (ix) Khoản vay Ông Bùi Phan Phú Lộc – là bên liên quan để bổ sung vốn lưu động, lãi suất 9,0%/năm. Khoản vay này đã được tắt toán trong năm.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**22b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn tổ chức	55.892.812.500	221.306.250.000
Deutsche Investitions-Und Entwicklungsgesellschaft MBH (i)	55.892.812.500	221.306.250.000
Nợ thuê tài chính	5.943.859.091	13.608.227.483
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (ii)	4.781.269.091	13.608.227.483
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (iii)	1.162.590.000	-
Cộng	61.836.671.591	234.914.477.483

(i) Vay Deutsche Investitions-Und Entwicklungsgesellschaft MBH, một tổ chức tín dụng thành lập ở Đức, bao gồm:

- Khoản vay bằng USD của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền 17.500.000 USD theo hợp đồng ký ngày 07 tháng 10 năm 2021 để phục vụ cho hoạt động đầu tư mở rộng kinh doanh trung và dài hạn. Khoản vay đáo hạn trong năm 2026 với lãi suất 5,75%/năm cộng với lãi suất LIBOR 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bởi bảo lãnh của Công ty Cổ phần Anova Farm, Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET, Công ty Cổ phần NovaGroup và 35% giá trị cổ phần Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer đang được nắm giữ bởi các cổ đông lớn (được đảm bảo đồng thời cho khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Feed tại Deutsche Investitions-Und Entwicklungsgesellschaft MBH).
- Khoản vay bằng USD của Công ty Cổ phần Anova Feed với số tiền 10.000.000 USD theo hợp đồng ký ngày 10 tháng 12 năm 2020 để tài trợ cho dự án xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi. Khoản vay có thời hạn 5 năm với lãi suất từ 4,89%/năm và được đảm bảo bằng 99,99% trị giá cổ phần của Công ty Cổ phần Anova Feed và 30% trị giá cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer, máy móc thiết bị và bất động sản của Công ty Cổ phần Anova Feed tại Đồng Nai (xem thuyết minh số V.10 và V.12).

(ii) Khoản nợ thuê tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm tại Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để thuê máy móc thiết bị với thời hạn thuê 48 tháng. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết tài sản thuê được quy định theo từng hợp đồng.

(iii) Khoản nợ thuê tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm tại Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để thuê máy móc thiết bị với thời hạn thuê 36 tháng. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết tài sản thuê được quy định theo từng hợp đồng.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn tổ chức	333.121.162.500	277.228.350.000	55.892.812.500	-
Nợ thuê tài chính	11.178.018.287	5.234.159.196	5.943.859.091	-
Cộng	344.299.180.787	282.462.509.196	61.836.671.591	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn tổ chức	433.332.900.000	212.026.650.000	221.306.250.000	-
Nợ thuê tài chính	13.608.227.483	-	13.608.227.483	-
Cộng	446.941.127.483	212.026.650.000	234.914.477.483	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

23. Dự phòng phải trả

23a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng xây dựng cơ bản dở dang nhà máy đường ăn kiêng Phú Yên.

23b. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong năm	Số sử dụng trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.098.606.805	1.812.838.778	(702.017.975)	(1.341.105.343)	2.868.322.265
Dự phòng hoàn nguyên môi trường	2.826.883.430	314.100.000	-	-	3.140.983.430
Cộng	5.925.490.235	2.126.938.778	(702.017.975)	(1.341.105.343)	6.009.305.695

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	5.091.757.392
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	14.550.056.810
Chi quỹ	(15.427.887.336)
Giảm khác	(96.422.952)
Số cuối năm	4.117.503.914

25. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả chủ yếu liên quan đến loại trừ dự phòng phát sinh khi hợp nhất. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	58.503.034.478	100.856.337.148
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(4.082.942.396)	(42.353.302.670)
Số cuối năm	54.420.092.082	58.503.034.478

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

26. Vốn chủ sở hữu

26a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

26b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Khang	785.873.850.000	785.873.850.000
Công ty Cổ phần Đầu tư A.N.O.V.A	164.389.210.000	164.389.210.000
Các cổ đông khác	247.580.190.000	247.580.190.000
Cộng	1.197.843.250.000	1.197.843.250.000

Các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 07/2024/NQ-ĐHĐCĐ-NCG ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Công ty mẹ, các cổ đông đã thông qua việc không thực hiện kế hoạch phát hành cổ phiếu ESOP của Công ty mẹ đã được phê duyệt năm 2023. Mặt khác, Công ty mẹ đã thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu cho người lao động ESOP năm 2024 của Công ty mẹ với số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành không quá 5% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty mẹ tại thời điểm phát hành, thời gian thực hiện chậm nhất đến quý II năm 2025.

26c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	119.784.325	119.784.325
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	119.784.325	119.784.325
- Cổ phiếu phổ thông	119.784.325	119.784.325
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	119.784.325	119.784.325
- Cổ phiếu phổ thông	119.784.325	119.784.325
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

27a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	158.707.692.465	171.915.532.700
Trên 01 năm đến 05 năm	686.006.736.093	661.461.616.502
Trên 05 năm	1.320.870.740.627	1.286.047.340.023
Cộng	2.165.585.169.185	2.119.424.489.225

27b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 138.267,42 USD (số đầu năm là 266.429 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	846.406.441.020	702.719.836.663
Doanh thu bán thành phẩm	3.712.842.640.319	3.718.268.740.911
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.633.217.419	992.893.853
Doanh thu khác	80.182.668	-
Cộng	4.563.962.481.426	4.421.981.471.427

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn không có phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	311.095.586.592	264.283.202.416
Hàng bán bị trả lại	3.970.887.365	12.211.928.468
Giảm giá hàng bán	17.395.269	3.647.617.565
Cộng	315.083.869.226	280.142.748.449

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	762.464.859.368	611.886.830.858
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.916.356.328.702	3.129.761.024.037
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.034.258.055	222.819.264
Giá trị hàng hóa hết hạn sử dụng xuất hủy	85.669.630	-
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	(2.868.563.935)	739.546.086
Cộng	3.679.072.551.820	3.742.610.220.245

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	804.707.490	2.717.309.678
Lãi tiền cho vay	36.801.254.723	42.315.938.594
Cổ tức, lợi nhuận được chia	77.977.240	3.898.862.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.191.230.812	6.918.630.380
Lãi phạt trả chậm	-	277.202.971
Chiết khấu thanh toán được hưởng	556.097.559	-
Cộng	41.431.267.824	56.127.943.623

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	86.004.779.141	101.783.232.612
Chiết khấu thanh toán cho người mua	3.202.487.618	3.407.826.365
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.064.983.107	7.783.865.853
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	14.957.469.388	11.078.760.188
Lỗ thoái vốn tại công ty con	-	38.954.336.493
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) tổn thất đầu tư	(5.335.744.712)	(6.267.554.070)
Chi phí tài chính khác	4.209.635.446	13.916.107.502
Cộng	110.103.609.988	170.656.574.943

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	96.861.142.548	75.009.971.191
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.904.696.026	1.772.381.080
Chi phí tiếp thị, khuyến mại và quảng cáo	54.363.388.882	37.078.234.193
Chi phí vận chuyển	19.711.666.318	10.836.650.691
Chi phí thuê	11.015.449.769	14.184.528.371
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.595.228.126	22.188.228.984
Các chi phí khác	40.350.684.305	21.751.534.191
Cộng	246.542.976.322	182.821.528.701

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	91.142.472.202	94.805.537.751
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.900.906.613	20.603.760.537
Phân bổ lợi thế thương mại	10.861.602.540	16.427.462.066
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi	(36.212.306.330)	872.569.347.032
Điều chỉnh giảm lãi phạt vi phạm hợp đồng	8.165.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.957.710.314	18.705.980.724
Các chi phí khác	19.223.805.307	17.651.450.676
Cộng	140.090.584.776	1.040.763.538.786

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi phạt vi phạm hợp đồng	22.492.000	4.739.411.725
Tiền thưởng, quà biếu tặng	471.362.544	-
Thu nhập khác	335.270.578	1.538.202.141
Cộng	829.125.122	6.277.613.866

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	284.267.597	2.388.184.291
Phạt do vi phạm hợp đồng	20.000.000	21.459.606.398
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.507.626.966	-
Điều chỉnh giảm do tách công ty	-	14.148.329.143
Chi phí khác	2.382.117.113	6.067.567.551
Cộng	4.194.011.676	44.063.687.383

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	82.868.878.458	(930.198.767.989)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	82.868.878.458	(930.198.767.989)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	119.784.325	119.784.325
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	692	(7.766)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.221.354.396.566	2.635.028.131.672
Chi phí nhân công	380.951.499.628	478.829.520.707
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	98.429.444.531	113.074.143.061
Chi phí dịch vụ mua ngoài	347.260.311.787	518.457.664.068
Chi phí khác	186.778.691.362	441.623.932.073
Cộng	4.234.774.343.874	4.187.013.391.581

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ liên quan đến việc mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	-	31.115.448
Trả trước người bán mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	65.312.500	779.662.802

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Các cổ đông lớn dùng 35% cổ phần thuộc sở hữu của mình tại Công ty mẹ để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Deutsche Investitions-Und Entwicklungsgesellschaft MBH (xem thuyết minh số V.22).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.22a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Thù lao của Hội đồng quản trị	3.339.031.778	2.841.051.494
Thù lao của Ban quản lý	2.417.668.730	4.157.501.533
Ông Nguyễn Quang Phi Tín	2.417.668.730	2.750.898.844
Các thành viên khác của Ban Tổng Giám đốc	-	1.406.602.689
Thù lao của các thành viên quản trị chủ chốt khác	459.440.194	368.725.425
Cộng	6.216.140.702	7.367.278.452

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Khang	Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư A.N.O.V.A	Cổ đông
Foremost Worldwide Limited	Bên liên quan của Tập đoàn (đến ngày 04 tháng 01 năm 2024)
Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp hòa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương VET VA CO	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn không phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết. Các giao dịch khác phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Khang		
Chia cổ tức	-	39.293.692.500
Công ty Cổ phần Đầu tư A.N.O.V.A		
Chia cổ tức	-	8.219.460.500
Foremost Worldwide Limited		
Chia cổ tức	-	6.386.000.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau. Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu ở trong nước và theo đó, Tập đoàn không trình bày thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý.


Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sức khỏe vật nuôi: Sản xuất, mua bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản.
- Lĩnh vực thức ăn chăn nuôi: Sản xuất, thương mại thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Lĩnh vực này bao gồm cả mảng trang trại của Công ty Cổ phần Anova Feed.
- Lĩnh vực trang trại: Chăn nuôi gia súc.
- Lĩnh vực thực phẩm: Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.


Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 05 đính kèm.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngoài các sự kiện tại thuyết minh số V.26b, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.


Đỗ Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng kiêm người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025


Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, gia súc	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	622.853.628.550	670.706.668.266	46.272.718.516	34.019.848.583	10.822.855.906	5.979.588.780	1.390.655.308.601
Mua trong năm	2.763.645.003	10.135.874.711	1.478.898.784	230.694.200	-	-	14.609.112.698
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	346.830.781	894.969.000	-	40.584.720	-	-	1.282.384.501
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.466.520.534)	(3.056.794.553)	(752.722.101)	(5.371.014.946)	-	(17.647.052.134)
Phân loại lại	(3.584.097.276)	2.135.584.743	419.678.008	350.933.518	1.996.055.927	(1.318.154.920)	-
Số cuối năm	622.380.007.058	675.406.576.186	45.114.500.755	33.889.338.920	7.447.896.887	4.661.433.860	1.388.899.753.666
Trong đó:							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	19.266.047.253	96.533.248.322	11.925.232.946	10.434.545.138	-	2.262.757.227	140.421.830.886
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	206.519.453.117	297.773.059.412	27.296.289.433	22.353.612.142	4.834.402.800	3.712.309.527	562.489.126.431
Khấu hao trong năm	27.437.166.255	41.424.410.645	2.977.807.640	2.721.752.523	3.223.943.882	188.884.213	77.973.964.958
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.251.822.145)	(2.889.300.222)	(726.707.715)	(2.204.106.266)	-	(9.071.936.348)
Phân loại lại	(3.303.827.232)	1.019.679.105	635.949.438	1.050.591.240	1.233.966.821	(636.359.372)	-
Số cuối năm	230.652.792.140	336.965.327.017	28.020.746.289	25.399.248.190	7.088.207.037	3.264.834.368	631.391.155.041
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	416.334.175.433	372.933.608.854	18.976.429.083	11.666.236.441	5.988.453.106	2.267.279.253	828.166.182.170
Số cuối năm	391.727.214.918	338.441.249.169	17.093.754.466	8.490.090.730	359.689.850	1.396.599.492	757.508.598.625
Trong đó:							
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-



Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng kiểm người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 02: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.917.969.389	-	27.696.854.093	(24.167.563.122)	8.455.199.953	7.939.593
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	26.572.000.019	(26.572.000.019)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	280.597.006	16.050.822.089	(16.339.551.173)	-	569.326.090
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.596.165.908	21.053.477.765	34.286.137.787	(41.333.909.920)	13.548.412.405	21.053.496.395
Thuế thu nhập cá nhân	1.523.678.822	236.272.967	12.436.845.852	(12.695.724.175)	1.186.286.614	157.759.082
Thuế nhà đất	-	-	283.242.821	(283.242.821)	-	-
Tiền thuế đất	-	-	1.778.498.916	(779.915.316)	998.583.600	-
Các loại thuế khác	86.028.811	331.930.142	2.485.685.964	(2.468.916.866)	96.153.470	325.285.703
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	138.394.314	(138.394.314)	-	-
Cộng	27.123.842.930	21.902.277.880	121.728.481.855	(124.779.217.726)	24.284.636.042	22.113.806.863

Đơn vị tính: VND



Đỗ Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng kiêm người lập



Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 03: Bảng tăng, giảm vay và nợ thuê tài chính

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:					Đơn vị tính: VND	
	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	921.612.154.021	3.867.519.310.997	-	-	(3.900.819.433.233)	888.312.031.785
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	10.420.000.000	6.500.000.000	-	-	-	16.920.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	2.200.000.000	-	-	-	(2.200.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	212.026.650.000	-	167.887.500.000	12.271.350.000	(114.957.150.000)	277.228.350.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-	5.234.159.196	-	-	5.234.159.196
Cộng	1.146.258.804.021	3.874.019.310.997	173.121.659.196	12.271.350.000	(4.017.976.583.233)	1.187.694.540.981

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn các tổ chức khác	221.306.250.000	-	(167.887.500.000)	2.474.062.500	-	55.892.812.500
Nợ thuê tài chính	13.608.227.483	2.462.000.000	(5.234.159.196)	-	(4.892.209.196)	5.943.859.091
Cộng	234.914.477.483	2.462.000.000	(173.121.659.196)	2.474.062.500	(4.892.209.196)	61.836.671.591

Đỗ Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng kiêm người lập



Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 04: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	1.197.843.250.000	426.598.785.061	(3.772.154.614)	69.831.535.979	1.227.637.626.401	69.161.692.662	2.987.300.735.489
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(930.198.767.989)	(20.731.215.369)	(950.929.983.358)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	1.156.468.261	(12.884.758.780)	(3.010.192.723)	(14.738.483.242)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(59.892.162.500)	(13.659.423.035)	(73.551.585.535)
Thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	(10.829.310.320)	(10.829.310.320)
Giao dịch với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(112.166.384)	(413.847.269)	(526.013.653)
Số dư cuối năm trước	1.197.843.250.000	426.598.785.061	(3.772.154.614)	70.988.004.240	224.549.770.748	20.517.703.946	1.936.725.359.381
Số dư đầu năm nay	1.197.843.250.000	426.598.785.061	(3.772.154.614)	70.988.004.240	224.549.770.748	20.517.703.946	1.936.725.359.381
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	82.868.878.458	16.318.124.165	99.187.002.623
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	1.000.689.470	(13.629.222.691)	(1.921.523.590)	(14.550.056.811)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	(12.526.466.026)	(12.526.466.026)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(4.232.625.979)	-	(4.232.625.979)
Số dư cuối năm nay	1.197.843.250.000	426.598.785.061	(3.772.154.614)	71.988.693.710	289.556.800.536	22.387.838.495	2.004.603.213.188

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

NGUYỄN QUANG PHÍ TIN
Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng kiêm người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 05: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Năm nay	Sức khỏe vật nuôi	Thức ăn chăn nuôi	Trang trại	Thực phẩm	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	859.973.788.399	2.663.239.489.446	343.383.570.182	381.511.704.173	770.060.000	-	4.248.878.612.200
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	158.878.656.472	189.936.058.867	170.304.817.062	4.705.622.005	20.859.400.000	(544.684.554.406)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.018.852.444.871	2.853.175.548.313	513.688.387.244	386.217.326.178	21.629.460.000	(544.684.554.406)	4.248.878.612.200
Giá vốn hàng bán	819.601.711.827	2.566.570.979.393	510.593.817.573	273.077.462.207	5.822.436.625	(496.593.855.805)	3.679.072.551.820
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	199.250.733.044	286.604.568.920	3.094.569.671	113.139.863.971	15.807.023.375	(48.090.698.601)	569.806.060.380
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(386.633.561.098)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							183.172.499.282
Doanh thu hoạt động tài chính							41.431.267.824
Chi phí tài chính							(110.103.609.988)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết							14.662.868.617
Thu nhập khác							829.125.122
Chi phí khác							(4.194.011.676)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							(34.286.552.417)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							7.675.415.859
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							99.187.002.623

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 05: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm trước	Sức khỏe vật nuôi	Thức ăn chăn nuôi	Trang trại	Thực phẩm	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	795.235.960.151	2.632.979.601.550	364.054.215.237	349.208.378.347	360.567.693	-	4.141.838.722.978
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	212.345.788.260	297.141.995.314	25.044.926.900	1.011.688.367	9.794.089.851	(545.338.488.692)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.007.581.748.411	2.930.121.596.864	389.099.142.137	350.220.066.714	10.154.657.544	(545.338.488.692)	4.141.838.722.978
Giá vốn hàng bán	789.063.224.931	2.696.370.564.222	465.040.754.089	302.941.634.768	8.055.283.618	(518.861.241.383)	3.742.610.220.245
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	218.518.523.480	233.751.032.642	(75.941.611.952)	47.278.431.946	2.099.373.926	(26.477.247.309)	399.228.502.733
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(1.223.585.067.487)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							(824.356.564.754)
Doanh thu hoạt động tài chính							56.127.943.623
Chi phí tài chính							(170.656.574.943)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết							28.544.595.325
Thu nhập khác	28.544.595.325	-	-	-	-	-	6.277.613.866
Chi phí khác							(44.063.687.383)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							(44.521.139.203)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							41.717.830.111
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							(950.929.983.358)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 05: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Số cuối năm	Sức khỏe vật nuôi	Thức ăn chăn nuôi	Trang trại	Thực phẩm	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	767.314.009.527	2.015.024.634.288	76.275.014.903	1.159.432.188.906	-	(2.203.309.289.625)	1.814.736.557.999
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	1.960.767.148.345
Tổng tài sản	230.015.284.213	953.420.425.651	5.254.065.867	283.416.492.692	-	(30.461.601.353)	1.441.644.667.070
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-	329.255.826.086
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	1.770.900.493.156
Tổng nợ phải trả	793.863.218.566	2.044.721.704.971	280.159.479.890	1.064.758.944.754	-	(2.224.379.563.139)	1.959.123.785.042
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-	1.916.876.793.737
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	3.876.000.578.779
Tổng tài sản	249.470.754.283	1.042.564.676.669	189.560.333.815	253.667.471.104	-	(149.576.837.664)	1.585.686.398.207
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-	353.588.821.191
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	1.939.275.219.398
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-	-	-

[Signature]

Đỗ Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng kiêm người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025
CÔNG TY
CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
NOVA CONSUMER
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc

